TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LỤC NAM** **TỈNH BẮC GIANG** Bản án số: 60/2025/HNGĐ-ST Ngày 30 /5/2025 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NAM, TỈNH BẮC GIANG

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Thế Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Xuân Chung;

- Ông Trương Thanh Cường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngọ Thị Thanh Hà– Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2025 về việc: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 13/5/2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1983

Địa chỉ: Thôn Q, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1982

Địa chỉ: Thôn Đ, xã B, huyện L, tỉnh Bắc Giang

(Các đương sự xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị* Nguyễn Thị Đ *trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn với anh V, chị và anh V đã có gia đình, sau đó cả hai đã ly hôn. Chị và anh Nguyễn Văn V kết hôn năm 2023, trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện L.

Sau khi cưới, chị và anh V về ở với nhau ngay, hai người sống hạnh phúc một thời gian và đã có 01 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 26/7/2023

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do chị và anh V bất đồng quan điểm, anh V không quan tâm đến gia đình, thường xuyên bỏ đi suốt cả ngày, không về nhà, bỏ mặc chị lo mọi công việc; chị đã khuyên giải nhiều lần, nhưng anh V không thay đổi. Chị và anh V đã chấm dứt quan hệ vợ chồng từ tháng 9/2024, không ai quan tâm đến ai. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đề nghị được ly hôn.

- Về con chung: Chị và anh V có 1 con chung như trình bày ở trên, hiện con chung đang ở với anh V. Ly hôn chị đồng ý để anh V tiếp tục nuôi con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con: Để chị và anh V tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Để chị và anh V tự thoả thuận giải quyết.

** Bị đơn anh* Nguyễn Văn V *trình bày:* Anh và chị Đ trước đây cả hai bên đã có gia đình, sau đó cả hai đã ly hôn. Anh và chị Đ về chung sống với nhau từ năm 2019, đến năm 2023 thì cả hai tự nguyện ra Ủy ban nhân dân xã B đăng ký kết hôn.

Trong quá trình chung sống, anh và chị Đ thường xuyên mâu thuẫn, cãi nhau, đến tháng 3/2025 thì chị Đ bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Chị Đ làm đơn ly hôn, anh xác định tình cảm không còn và đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và chị Đ có 1 con chung như chị Đ trình bày là đúng. Ly hôn anh xin nuôi con Nguyễn Tuấn A.

Về cấp dưỡng nuôi con: Để anh và chị Đ tự thoả thuận.

Về tài sản: Để anh và chị Đ tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án và đều xin vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến*:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã được Tòa án cho thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của đương sự; nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự (viết tắt là BLTTDS).

Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các Điều: 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân gia đình 2014;

Các Điều: 28, 147, 228, 238, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 26, Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

- Về con chung: Giao cho anh V chăm sóc nuôi dưỡng cháu Nguyễn Tuấn A đến khi cháu đủ 18 tuổi.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Đ được quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn không ai được cản trở quyền này.

- Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí 300.000 đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước đó

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Nam. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Thị Đ có đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn V và xin nuôi con chung. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 của BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn và bị đơn có đơn xin xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của BLTTDS, Toà án xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Đ và anh Nguyễn Văn V về chung sống với nhau từ năm 2019, nhưng không đăng ký kết hôn. Đến ngày 21/4/2023 thì cả hai tự nguyện ra Ủy ban nhân dân xã B, huyện L đăng ký kết hôn. Nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì hai bên thấy có nhiều điểm không hợp nhau, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau; đến tháng 9/2024 thì hai người không còn quan hệ vợ chồng nữa và chị Đ đã quyết định ly thân về nhà mẹ đẻ ở. Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị Đ và anh V về đoàn tụ. Tuy nhiên chị Đ cương quyết xin ly hôn và từ

chối hòa giải đoàn tụ; còn anh V vắng mặt và cũng đồng ý ly hôn. Chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, không còn tình cảm với nhau, không có sự quan tâm chăm sóc nhau, vị phạm nghĩa vụ của vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, cho chị Đ được ly hôn anh V.

[5] Về con chung: Chị Đ và anh V có 1 con chung là Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 26/7/2023, hiện anh V đang nuôi, anh V có nguyện vọng nuôi con. Chị Đ cũng đồng ý để anh V nuôi con. Do đó cần giao con chung cho anh V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chung là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Đ và anh V tự thoả thuận, nên không đặt ra xem xét.

Quyền thăm con: Chị Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Đ thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của người con, Toà án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc buộc bên không nuôi con cho nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung, nếu sau này các đương sự có yêu cầu và theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đặt ra xem xét.

[7] Về án phí: Chị Đ phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình theo quy định tại Điều 147 của BLTTDS.

[8] Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều: 51, 56, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 228, 238, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị Đ được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Nguyễn Tuấn A, sinh ngày 26/7/2023 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Chị Đ có quyền đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở chị Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình.

Tiền án phí được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0004740 ngày 11/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Đ đã nộp đủ tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án nhận được tống đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Bảo Đài, huyện Lục Nam, BG;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện Lục Nam;
- Lưu HS+VT.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Dương Thế Vinh